

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
TP.CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/HS-ST**

Ngày **22-9-2021**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Tùng

Bà Đoàn Sơn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Sáu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Châu Văn Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

Phan Văn T (Nhóc), sinh năm 1997, tại Cần Thơ.

Nơi cư trú: ấp Vĩnh A, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật; con ông Phan Văn K, sinh năm 1967 và bà Trương Thị G, sinh năm 1967; Anh, chị em ruột có 02 người lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994; bản thân chưa vợ; Tiền sự: không; Tiền án: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 5 năm 2021.

Trần Ngọc T1 (Ngọc, Ý), sinh năm 2001, tại An Giang.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Trung B, xã Thoại G, huyện Thoại S, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp Vĩnh A, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật; con ông Phạm Văn T2, sinh năm 1958 và bà Trần Thị U, sinh năm 1961; Anh, chị em ruột có 02 người lớn nhất sinh năm 1998,

nhỏ nhất sinh năm 2003; bản thân chưa vợ; Tiền sự: không; Tiền án: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 5 năm 2021.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trương Thị Thúy K là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh số 1- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Cần Thơ.

- Người bị hại:

Bà **Phạm Thanh V**, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Khóm Long Thạnh, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông **Phạm Nhật T3** – 1991

Bà **Trần Thị U** – 1961

Ông **Phan Văn K** – 1967

Cùng nơi cư trú: ấp Vĩnh A, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

*(Bị cáo có mặt, bà U, ông K, ông T3 có mặt
đương sự còn lại vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 23/5/2021 sau khi uống rượu xong, Phan Văn T rủ Trần Ngọc T1 đi đến Cái Sắn, thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang để mua ma túy đá cùng sử dụng, T1 đồng ý, sau khi mua ma túy sử dụng xong thì cả hai về quán ông Hai D ngụ ấp Vĩnh A, xã Vĩnh T ngồi nói chuyện. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, cả 2 điều khiển xe mô tô đến bến đò số 02 ấp Vĩnh L, xã Vĩnh T để mua thẻ nạp tiền điện thoại, trên đường đi phát hiện chị Phạm Thanh V – 1977 đang đi bộ một mình từ hướng Vĩnh Thạnh về lộ tẻ - Thốt Nốt, T hỏi chị V “ Cô đi đâu cho quá giang ra bến đò” thì chị V không đồng ý nên cả hai tiếp tục đi mua thẻ điện thoại rồi quay về quán ông Hai D. Khoảng 5 phút sau, T nảy sinh ý định hiếp dâm chị V nên rủ T1 quay lại tìm chị V để hiếp dâm thì T1 đồng ý. T điều khiển xe chở Tuấn chạy đến cầu Ba Thước gần bến đò số 2, xã Vĩnh Trinh thì dừng xe và quay đầu xe lại dưới chân cầu, cả hai đi lên giữa cầu đứng, lúc này chị V đi đến. T yêu cầu chị V đứng lại và xưng hô là lực lượng phòng PC (nghĩa là lực lượng công an) nghi ngờ chị lấy trộm tài sản của người khác nên kiểm tra đồ dùng của chị V mang theo đồng thời yêu cầu chị V lên xe để chở về trụ sở công an làm việc, cả hai khống chế và đưa chị V lên xe, T điều khiển xe chở chị V ngồi giữa và T1 ngồi sau giữ hai tay chị V chạy về hướng Vĩnh Thạnh khi đến con hẻm thuộc ấp Vĩnh L, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh Thạnh thì T rẽ phải chạy ra cánh đồng vắng cách lộ nông thôn khoảng 600 mét sau đó dừng xe lại, T1 giữ hai tay chị V và đưa chị V xuống xe, T đi lại nói với chị V là “thằng này (nghĩa là T1) muốn quan hệ với bà”, chị V nghe vậy nên van xin và nói “mấy con ơi tha cho cô, cô đang bị bệnh”, nghe vậy T dùng chân gạt chân chị V té ngã xuống đất,

dùng tay giữ chặt tay chị V, đe dọa là “muốn yên ổn, hay muốn hành động”, sau đó T thực hiện hành vi đưa dương vật vào miệng chị V, yêu cầu chị V làm cho T thỏa mãn, nhưng chị V không đồng ý thì T dùng tay bóp miệng chị V và đưa dương vật vào trong miệng chị V. Cùng lúc này T1 dùng tay cởi quần của chị V, T1 kéo quần T1 xuống qua đầu gối dùng dương vật đưa vào âm đạo chị V để thực hiện hành vi giao cấu, nhưng do T1 mới sử dụng ma túy đá xong dương vật không cương cứng nên không đưa được dương vật vào sâu bên trong âm đạo, T1 tiếp tục dùng nước bọt, nước trà xanh trong chai của chị V mang theo nhỏ và đổ vào dương vật, bộ phận sinh dục của chị V cho ướt để dễ đưa dương vật vào bên trong âm đạo, tuy nhiên gần 10 phút sau T1 không đưa được dương vật sâu vào bên trong âm đạo của chị V. Thấy vậy, T kêu T1 đổi vị trí để T thực hiện hành vi giao cấu với chị V, còn T1 thì giữ tay chị V cho T thực hiện, chị V tiếp tục van xin “tha cho cô con ơi”, thì T1 đe dọa “cô nói nữa con giục cô xuống sông bây giờ” đồng thời dùng tay bịt miệng chị V lại, sau đó T1 tiếp tục đưa dương vật vào miệng chị V và dùng tay sờ bóp phần ngực chị V, T thực hiện hành vi giao cấu với chị V khoảng 05 phút thì nghỉ và đổi vị trí cho T1 tiếp tục thực hiện hành vi giao cấu. Cả hai thay phiên nhau thực hiện hành vi giao cấu và hành vi quan hệ tình dục khác đối với chị V nhiều lần. Tổng cộng T1 thực hiện hành vi giao cấu 04 lần, 02 lần đưa dương vật vào miệng ép chị V làm cho T1 thỏa mãn, nhiều lần dùng tay sờ bóp vùng ngực chị V. Còn T thực hiện hành vi giao cấu 03 lần, 05 đến 06 lần đưa dương vật vào miệng chị V ép chị V làm cho T thỏa mãn, một lần dùng ngón trỏ bàn tay phải đưa vào bên trong âm đạo của chị V khoảng 05 phút. Đến khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 24/5/2021 T và T1 mới ngừng thực hiện hành vi trên đối với chị V. Đến 08 giờ 10 phút, ngày 24/5/2021 chị V đến Công an huyện Vĩnh Thạnh trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tố giác về tội phạm Cơ quan điều tra đã mời T1 làm việc, Tuấn đã thừa nhận hành vi phạm tội. Riêng T đã ra đầu thú cùng ngày 24/5/2021.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 03 ngày 24/5/2021 của Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Thạnh kết luận về thương tích của chị Phạm Thanh V như sau: Màng trinh có vết rách cũ; môi phù nề có vết sưng khoảng 01cm; hai cẳng tay có nhiều vết bầm kích thước khoảng 01- 03 cm; đùi phải có nhiều vết bầm kích thước khoảng 01 - 02 cm; đùi trái có nhiều vết bầm kích thước khoảng 02 - 03 cm chàm đau, toàn thân tím bầm.

Tại Cáo trạng số 22/CT – VKSVT-HS ngày 24/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ đã truy tố các bị cáo Phan Văn T và Trần Ngọc T1 về tội “*Hiếp dâm*” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 141 của Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Phan Văn T và Trần Ngọc T1 về tội “*Hiếp dâm*” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 141 của Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Văn T và Trần Ngọc T1 phạm tội “*Hiếp dâm*”

Đề nghị áp dụng: Điểm c, d khoản 2 Điều 141, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T mức án từ 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng đến 10 (Mười) năm tù.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 mức án từ 09 (Chín) năm đến 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

Bà Trương Thị Thúy K – người bào chữa cho bị cáo T1 thống nhất với tội danh mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã mô tả, các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo được sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại trong vụ án.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ và có đủ cơ sở xác định: Các bị cáo Phan Văn T và Trần Ngọc T1 đã dùng vũ lực, đe dọa nhiều lần giao cấu và thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn với bị hại Phạm Thanh V, trong đó xác định được bị cáo T1 thực hiện hành vi giao cấu 04 lần, 02 lần đưa dương vật vào miệng ép bị hại V làm cho thỏa mãn và nhiều lần dùng tay sờ bóp vùng ngực của bị hại Vân. Bị cáo T thực hiện hành vi giao cấu 03 lần, 05 đến 06 lần đưa dương vật vào

miệng ép bị hại V làm cho thỏa mãn, một lần dùng ngón trỏ bàn tay phải đưa vào bên trong âm đạo của bị hại V khoảng 05 phút.

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Hiếp dâm*” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 141 của Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) Điều 141, khoản 2, điểm c, d quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

.....

c) Nhiều người hiếp một người

d) Phạm tội 02 lần trở lên; ...

Như vậy, Cáo trạng số 22/CT- VKSVT-HS ngày 24 tháng 8 năm 2021, truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan cho bị cáo.

[3] Hành vi của các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy cần có mức án tương xứng đối với các bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng cho các bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo T1 có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, bị cáo T đã ra đầu thú, tại phiên tòa các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng, đây cũng được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, là không có cơ sở. Bởi lẽ, mặc dù gia đình của các bị cáo tự nguyện nộp tổng số tiền 2.000.000đ, mục đích để bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại, nhưng trong vụ án này, vấn đề thiệt hại về tài sản không được đặt ra trong quá trình tố tụng, mà chỉ do bị hại khai ra, các bị cáo cũng không thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, việc tự

nguyên nộp số tiền như đã nêu trên của gia đình các bị cáo, không thể áp dụng để xem là tình tiết giảm nhẹ cho hành vi các bị cáo xâm phạm đến khách thể là quan hệ nhân thân (sức khỏe, danh dự, nhân phẩm) của bị hại.

[6] Về căn cứ quyết định hình phạt: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để phân hóa hình phạt đối với các bị cáo. Cụ thể như sau: Bị cáo T là người nảy sinh ý định rủ rê bị cáo T1 hiếp dâm bị hại Vân, tuy cả hai cùng là người thực hành hành vi, nhưng bị cáo T đã có sự chuẩn bị ngay từ đầu bị cáo đã giả danh là công an, khống chế bị hại đưa lên xe để nhằm đạt được mục đích nên mức độ tham gia và vai trò của bị cáo T là cao hơn bị cáo T1. Do đó, cần xử phạt bị cáo T mức án cao hơn bị cáo T1 mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[7] Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại số tiền 2.000.000 (*Hai triệu đồng*) (mỗi bị cáo bồi thường 1.000.000 đồng) nên công nhận việc các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên. Các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường 1.000.000 đồng), đây là sự tự nguyện của các bị cáo, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Xe mô tô biển số 65FA-8695, nhãn hiệu Warm, số khung B014DP016491, số máy P39FMB016491. Quá trình điều tra xác định được là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Nhật T3 không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh đã trao trả lại tài sản cho ông T3 là phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Giấy chứng minh nhân số 351384860 mang tên Phạm Thanh V, cấp ngày 08/12/2016, nơi cấp Công an tỉnh An Giang và sổ hộ khẩu số 010384099 chủ hộ tên Phạm Thanh V là giấy tờ tùy thân của bà Phạm Thanh V. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh đã trao trả lại cho bà Vân là phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Một áo kiểu nữ, tay dài, có hình chấm bi, màu nâu – vàng, đã qua sử dụng; một quần kiểu nữ, ống dài, trên quần có hình chấm bi, màu nâu – vàng, đã qua sử dụng; một áo ngực màu đen đã qua sử dụng và một quần lót kiểu nữ, màu hồng nhạt đã qua sử dụng thu giữ của bị hại V không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Khẩu trang y tế màu xám – đen, đã qua sử dụng; nút áo màu đen hiệu Owen đã qua sử dụng; nắp chai nhựa màu xanh đã qua sử dụng; hột quẹt gas màu đỏ - trắng đã qua sử dụng thu giữ tại hiện trường không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Việt Nam 2.000.000 đồng là số tiền gia đình của các bị cáo nộp để bồi thường đối với tài sản bị mất của bị hại. Để đảm bảo cho quá trình thi hành án cần tiếp tục tạm giữ số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ để đảm bảo công tác thi hành án.

[9] Các vấn đề khác: Đối với việc bị hại tố giác các bị cáo chiếm đoạt tài sản số tiền 1.600.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen. Quá trình điều tra các bị cáo không thừa nhận, hơn nữa ngoài lời khai của bị hại thì chưa có chứng cứ nào khác xác định các bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại nên chưa đủ căn cứ để xử lý các bị cáo về tội “Cướp tài sản”. Vì vậy, Công an huyện Vĩnh Thạnh không xử lý đối với các bị cáo là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra các bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bồi thường thiệt hại. Bị cáo Trần Ngọc T1 thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nên được miễn tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T1 có phần cơ sở chấp nhận nhưng đối với đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự thì không phù hợp nên không được chấp nhận. Do đó, đề nghị của người bào chữa chỉ được chấp nhận một phần.

[12] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo về cơ bản là phù hợp với nhận định trên. Tuy nhiên, đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận một phần.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c, d khoản 2 Điều 141; Điều 17; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Điều 136, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;
- Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Văn T và Trần Ngọc T1 phạm tội: “*Hiếp dâm*”

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 09 (Chín) năm tù

Thời hạn tù của các bị cáo được tính kể từ ngày 24/5/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận các bị cáo đồng ý bồi thường về thiệt hại về tài sản cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) (*Số tiền 2.000.000 đồng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh đang quản lý*)

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)(*Mỗi bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng*)

“Kể từ ngày bị hại hoặc người đại diện có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm bồi thường số tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy một áo kiểu nữ, tay dài, có hình chấm bi, màu nâu – vàng, đã qua sử dụng; một quần kiểu nữ, ống dài, trên quần có hình chấm bi, màu nâu – vàng, đã qua sử dụng; một áo ngực màu đen đã qua sử dụng và một quần lót kiểu nữ, màu hồng nhạt đã qua sử dụng; Khẩu trang y tế màu xám – đen, đã qua sử dụng; nút áo màu đen hiệu Owen đã qua sử dụng; nắp chai nhựa màu xanh đã qua sử dụng; hột quẹt gas màu đỏ - trắng đã qua sử dụng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền Việt Nam 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ để đảm bảo công tác thi hành án.

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKSVT-HS ngày 24/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phan Văn T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Công an nhân dân huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA